

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2131/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhung
2. Bà Võ Thị Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 540/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/9/2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5641/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21364/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu Trọng T, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: 86C/8 P, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyen, Thanh Huyen T, sinh năm 1966 (vắng mặt).
Quốc tịch: Hoa Kỳ
Địa chỉ: 5541 P Blvd, Apt 4106 B R, Florida 33433, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2019 và bản tự khai, nguyên đơn – ông Lưu Trọng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyen, Thanh Huyen T tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 273 do Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/11/2018. Sau khi kết hôn bà Nguyen, Thanh Huyen T ở lại Việt Nam được khoảng 01 tuần thì quay trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, hai bên vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại. Trong lúc nói chuyện hai bên thường xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do hai bên không còn chung sống nên không có sự quan tâm, chia sẻ những khó khăn cũng như vui buồn trong cuộc sống. Nhận thấy, tình cảm

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyen, Thanh Huyen T để ổn định cuộc sống.

Về việc nuôi con: Không có.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

* Ông Lưu Trọng T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

* Bà Nguyen, Thanh Huyen T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đồng thời bà Nguyen, Thanh Huyen T cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của ông Thân.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bà Nguyen, Thanh Huyen T vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lưu Trọng T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Trọng T được ly hôn với bà Nguyen, Thanh Huyen T.

+ Về việc nuôi con: Không có.

+ Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Ông Lưu Trọng T phải chịu án phí 300.000 đồng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 13/9/2019 ông Lưu Trọng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyen, Thanh Huyen T. Bà Nguyen, Thanh Huyen T hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lưu Trọng T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Nguyen, Thanh Huyen T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do,

nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Trọng T và bà Nguyễn, Thanh Huyền T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 273 do Ủy ban nhân dân quận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/11/2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ngoài ra do không sống chung nên không quan tâm, chia sẻ khó khăn với nhau. Về phía bà Nguyễn, Thanh Huyền T Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo đúng thủ tục luật định nhưng bà Nguyễn, Thanh Huyền T cũng không có văn bản trả lời về yêu cầu xin ly hôn của ông Thân. Do đó, có cơ sở xác định ông Thân và bà Nguyễn, Thanh Huyền T đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Trọng T về việc xin ly hôn với bà Nguyễn, Thanh Huyền T.

- Về việc nuôi con: Không có.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Thân phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm c khoản 5 Điều 477 và khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Trọng T.
 - Về quan hệ hôn nhân: Ông Lưu Trọng T được ly hôn với bà Nguyễn, Thanh Huyền T.
 - Về việc nuôi con: Không có.
 - Về chia tài sản: Không có.
 - Về nợ: Không có.

2. Ông Lưu Trọng T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà ông Lưu Trọng T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0024577 ngày 25/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lưu Trọng T đã nộp đủ án phí.

3. Ông Lưu Trọng T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; bà Nguyễn, Thanh Huyền T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nhung

Võ Thị Nam

Quách Thanh Bình



Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM ;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND quận Bình Thạnh, Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình

